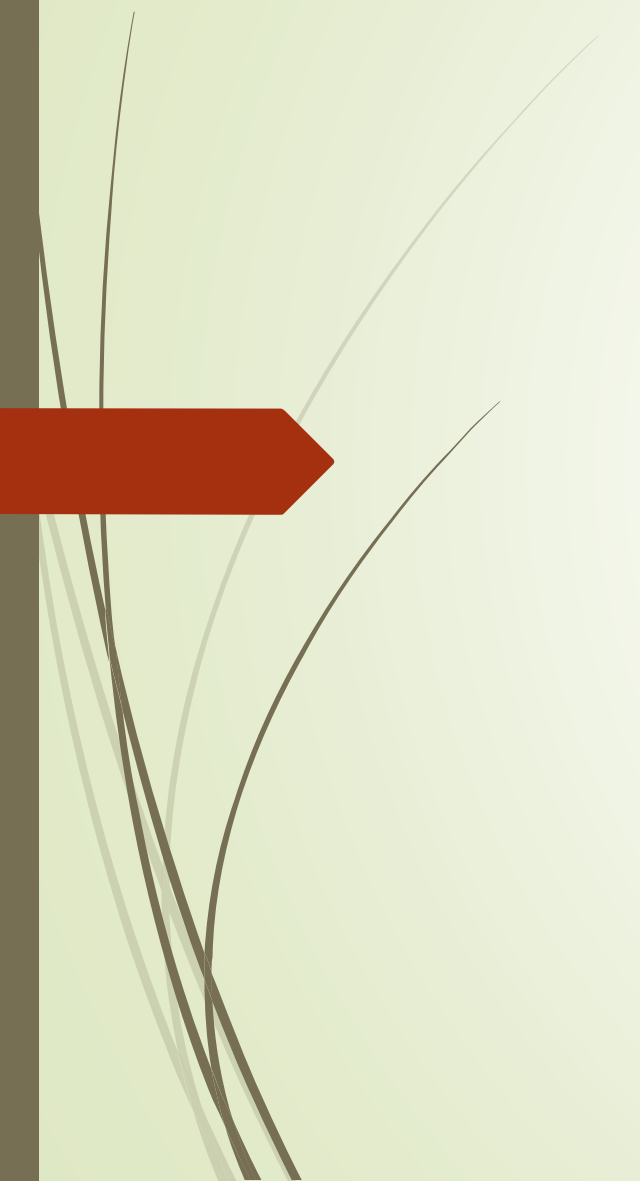




# KINH NGHIỆM XỬ TRÍ SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE NẶNG Ở NGƯỜI LỚN

ThS. BS. Phạm Kim Oanh

Bộ môn Nhiễm – Trường Y - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh



# CA LÂM SÀNG 1

# CA LÂM SÀNG 1

Bệnh nhân nam, 44 tuổi, địa chỉ: TPHCM, nhập viện 25/05/2025

**Bệnh sử:** 4 ngày

- N1 – 3: Sốt cao liên tục. N3: còn sốt → Nhập viện TTYT. XN: NS1 Ag (+), Hct 40%, TC 33 K/ $\mu$ L, AST/ALT 847/ 484 U/L. Chẩn đoán SXH-D N4 có dấu hiệu cảnh báo.
- N4: hết sốt, đau thượng vị, buồn nôn nhiều, không nôn, ăn kém, Hct 52,8%: truyền dịch LR 6 ml/kg/h trong 2 giờ → Chuyển viện

Trong quá trình bệnh, không xuất huyết, không ho, không khó thở, không đau ngực, tiểu vàng trong không gắt buốt, tiêu phân vàng sệt, không xuất huyết, không ho, không khó thở, không đau ngực.



# CA LÂM SÀNG 1

## Tiền căn

- 6 năm: Tăng huyết áp, Rx Amlodipin 5mg/ngày
- 10 năm: SXH-D, nhập viện và điều trị tại BVBNĐ

# DIỄN TIẾN

| Thời gian  | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều trị                                       |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 12h N4     | Bệnh tỉnh<br>Buồn nôn nhiều, ói, không uống được<br>Mạch 90 lần/phút, HA 130/90 mmHg<br>NT 20 lần/phút, SpO <sub>2</sub> 98%/khí trời<br>NĐ 37 độ C<br>Tim đều rõ<br>Phổi không ran, giảm âm đáy phổi P<br>Bụng mềm, ấn đau hạ sườn P và thượng vị<br>Gan to #2cm, dưới bờ sườn<br>CN 84 kg, CC 156 cm, BMI 34,52, CNCS 64kg | Tiếp tục truyền dịch liều cảnh báo 3 ml/kg/giờ |
| Xét nghiệm | K <sup>+</sup> 5,4 mmol/L<br>Creatinin máu 144 µmol/L<br>AST/ALT 1 860/1 080 U/L<br>Glucose máu 12 mmol/L<br>WBC 3,45 K/µL, Hct 57%, PLT 17 K/µL                                                                                                                                                                             |                                                |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điều trị                                        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 15h N4    | <p>Bệnh tỉnh, vã mồ hôi<br/>Buồn nôn nhiều, ói, không uống được<br/>Mạch 98 lần/phút<br/>HA 130/105 mmHg<br/>Chi mát, CRT 3 giây<br/>NT 26 lần/phút, SpO2 94%/khí trời<br/>NĐ 37 độ C<br/>Chưa đi tiểu từ lúc nhập viện<br/>Hct 58%</p> <p>SA: bụng nhiều hơi, khó khảo sát IVC</p> <p>Chẩn đoán: SXHD nặng N4 - sốc – tổn thương gan – TD suy thận cấp – tăng Kali máu</p> | <p>Thở Oxy mũi qua canula mũi<br/>Chống sốc</p> |

# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 12h      | 90          | 130/90    | 20              | 0              | 98         | 57      | LR 3 ml/kg/h x 3           |
| 15h      | 98          | 130/105   | 26              | 0              | 94         | 58      | Dex 15 ml/kg/h             |
| 16h      | 94          | 150/100   | 24              | 0              | 99         | 56      | Ace 10 ml/kg/h             |
| 17h      | 94          | 150/90    | 25              | 0              | 99         |         | Ace 10 ml/kg/h             |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điều trị                                                             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 17h N4    | <p>Troponin I 74,4 pg/mL<br/>INR 2,05; TCK 43,9 giây; Fibrinogen 2,43 g/L<br/>pH 7,32/ pO<sub>2</sub> 108/ pCO<sub>2</sub> 21,8/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 11,4<br/>Lactate ĐM 8,73 mmol/L<br/>NH3 123,5 mmol/L<br/>Bilirubin TP/TT 33,3/ 21,5 µmol/L<br/>Protenin máu: 46,5 g/L<br/>Albumin máu 28,4 g/L</p> <p>MELD Score 22 điểm → Sử dụng NAC<br/>100mg/kg/24 giờ</p> | <p>Hỗ trợ hô hấp HFNC<br/>Tiếp tục chống sốc<br/>NAC 100 mg/kg/h</p> |



# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 12h      | 90          | 130/90    | 20              | 0              | 98         | 57      | LR 3 ml/kg/h x 3           |
| 15h      | 98          | 130/105   | 26              | 0              | 94         | 58      | Dex 15 ml/kg/h             |
| 16h      | 94          | 150/100   | 24              | 0              | 99         | 56      | Ace 10 ml/kg/h             |
| 17h      | 94          | 150/90    | 25              | 0              | 99         |         | Ace 10 ml/kg/h             |
| 18h      | 100         | 150/100   | 24              | 150*           | 98         | 50      | Ace 6 ml/kg/h              |
|          |             |           |                 |                |            |         |                            |

\*: đặt sonde tiểu

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điều trị                                                                                             |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19h       | <p>pH 7,29/ pO<sub>2</sub> 107/ pCO<sub>2</sub> 19,2/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 9,2<br/>Lactate ĐM 8,81 mmol/L<br/>Na/K 128/ 4,99 mmol/L<br/>Troponin I 104,8 pg/mL<br/>ĐHTG 167 mg%<br/>PCT 3,78 ng/ml</p> <p>Vấn đề<br/>Bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue N4 nặng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sốc</li><li>- Tổn thương gan, thận</li><li>- Toan chuyển hóa mất bù</li></ul> | <p>Tiếp tục chống sốc<br/>CRRT<br/>Theo dõi sát đặt NKQ thở máy<br/>Truyền tiểu cầu, huyết tương</p> |

# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 12h      | 90          | 130/90    | 20              | 0              | 98         | 57      | LR 3 ml/kg/h x 3           |
| 15h      | 98          | 130/105   | 26              | 0              | 94         | 58      | Dex 15 ml/kg/h             |
| 16h      | 94          | 150/100   | 24              | 0              | 99         | 56      | Ace 10 ml/kg/h             |
| 17h      | 94          | 150/90    | 25              | 0              | 99         |         | Ace 10 ml/kg/h             |
| 18h      | 100         | 150/100   | 24              | 150            | 98         | 50      | Ace 6 ml/kg/h x 2          |
| 20h      | 108         | 150/100   | 26              | 0              | 99         | 53      | Ace 3 ml/kg/h x 4          |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                        | Điều trị                 |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 23h N4    | Bệnh nhân, mệt nhiều hơn<br>Mạch 120 lần/phút nhẹ<br>HA 130/70 mmHg<br>Thở co kéo 28 lần/phút<br>SpO <sub>2</sub> 96%<br>Chi mát | Đặt nội khí quản thở máy |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều trị                 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 0h        | <p>Bệnh nằm yên</p> <p>Mạch 114 lần/phút, nhẹ</p> <p>HA 100/70 mmHg</p> <p>Thở theo máy</p> <p>Chi mát</p> <p>Không chảy máu răng, máu mũi, sonde dạ dày</p> <p>SA: TDMB, TDMP, dịch đồng nhất, không thấy fibrin, IVC khó thấy, bụng chướng hơi nhiều không thấy hình ảnh viêm phổi</p> <p>CO 4.5, PPV 15%, SVR 1100</p> <p>Hct TG 49%</p> <p>pH 7,314/ pCO<sub>2</sub> 17,6/ pO<sub>2</sub> 108/ HCO<sub>3</sub>- 9,08</p> | Test dịch 5ml/kg/30 phút |

# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 12h      | 90          | 130/90    | 20              | 0              | 98         | 57      | LR 3 ml/kg/h x 3           |
| 15h      | 98          | 130/105   | 26              | 0              | 94         | 58      | Dex 15 ml/kg/h             |
| 16h      | 94          | 150/100   | 24              | 0              | 99         | 56      | Ace 10 ml/kg/h             |
| 17h      | 94          | 150/90    | 25              | 0              | 99         |         | Ace 10 ml/kg/h             |
| 18h      | 100         | 150/100   | 24              | 150            | 98         | 50      | Ace 6 ml/kg/h x 2          |
| 20h      | 108         | 150/100   | 26              | 0              | 99         | 53      | Ace 3 ml/kg/h x 4          |
| 0h       | 114         | 100/70    | 24              | 0              | 98         | 49      | Ace 5 ml/kg 30 phút        |
| 0h30*    | 110         | 100/70    | 24              |                |            |         | Ace 5 ml/kg 30 phút        |
| 1h       | 110         | 100/70    |                 |                |            | 45      | Ace 6 ml/kg/h              |

\*CO 4.5, PPV 15%, SVR 1100

Sau 30 phút: CO 5.1, PPV 11%, SVR 1135

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Điều trị                                                                                            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 02h       | <p>Bệnh nhân nằm yên<br/>Mạch rõ 106 lần/phút<br/>HA 135/80 mmHg<br/>Thở máy êm, SpO<sub>2</sub> 96%/FiO<sub>2</sub> 60%<br/>Chi ấm hơn, CRT # 2 giây<br/>Tiểu 100mL<br/>Sonde dạ dày 50 mL dịch đen</p> <p>Hct TG 38%<br/>Troponin I 583 pg/mL<br/>Albumin máu 32,6 g/L<br/>pH 7,004/ pCO<sub>2</sub> 40/ pO<sub>2</sub> 116/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 10<br/>Lactate ĐM 17,4 mmol/l<br/>TC 10 K/μL, BC 5,99 K/μL</p> <p>➔ Xuất huyết nặng – Xuất huyết tiêu hóa</p> | <p>Acetate Ringer 6 ml/kg/giờ<br/>PPI BTTM<br/>Truyền hồng cầu, tiểu cầu, huyết tương đông lạnh</p> |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                       | Điều trị                                                                                          |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 03h       | Bệnh nhân nằm yên<br>Mạch rõ 108 lần/phút<br>HA 120/85 mmHg<br>Thở máy êm, SpO <sub>2</sub> 96%/FiO <sub>2</sub> 60%<br>Sonde dạ dày 100 ml dịch đen<br>Hct 34% | 2 đơn vị HCL                                                                                      |
| 04h       | Bệnh nhân nằm yên<br>Mạch rõ 110 lần/phút<br>HA 80/50 mmHg<br>Thở máy êm, SpO <sub>2</sub> 96%/FiO <sub>2</sub> 60%<br>PPV 9%                                   | Noradrenalin<br>Piperacilline/Tazobactam<br>12 đơn vị tiểu cầu<br>03 đơn vị huyết tương đông lạnh |
| 05h       | Bệnh nhân nằm yên<br>Mạch rõ 112 lần/phút<br>HA 100/60 mmHg<br>Thở máy êm, SpO <sub>2</sub> 96%/FiO <sub>2</sub> 60%                                            |                                                                                                   |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điều trị                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08h N5    | <p>BN nằm yên</p> <p>Sonde dạ dày máu nâu sậm khoảng 20 ml.</p> <p>Mạch quay đều rõ 96 lần/phút</p> <p>HA 100/60 mmHg, PPV 10%</p> <p>Chi ấm, CRT &lt; 2 giây</p> <p>SpO<sub>2</sub> 90-92%/FiO<sub>2</sub> 70%, PEEP 8 cmH<sub>2</sub>O</p> <p>WBC 5,99 K/<math>\mu</math>L Hct 33% PLT 10 K/<math>\mu</math>L</p> <p>Creatinine 212 <math>\mu</math>mol/L</p> <p>Na/K 135/4,6 mmol/l</p> <p><b>AST/ALT 1 860/1 080 <math>\rightarrow</math> 15 054/ 4 954 U/L</b></p> <p><b>Bilirubin TP/TT 33,3/ 21,5 <math>\rightarrow</math> 50/ 45 <math>\mu</math>mol/l</b></p> <p>NH3 104 <math>\mu</math>mol/l</p> <p><b>TQ 11 %, INR 3,7</b>; TCK 127 giây</p> <p>pH 7,13/ pCO<sub>2</sub> 34,6/ pO<sub>2</sub> 86/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 11,4</p> <p>Lactate ĐM 13,83 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT</p> <p>Tiếp tục an thần, dẫn cơ</p> <p>Tiếp tục Piperacilline/Tazobactam</p> <p>Tiếp tục NAC</p> <p>Tiếp tục Noradrenalin</p> <p>Thay huyết tương lần 1</p> <p>Theo dõi xuất huyết, truyền chế phẩm máu (06 đơn vị HCL, 18 đơn vị tiểu cầu)</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điều trị                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N6        | <p>BN nằm yên</p> <p>Hematome đùi T kích thước 10x20 cm</p> <p>Mạch quay đều rõ 108 lần/phút</p> <p>HA 110/60 mmHg (Nor 12 µg/phút)</p> <p>Chi ấm, CRT&lt;2 giây</p> <p><b>SpO<sub>2</sub> 84%/FiO<sub>2</sub> 100%, PEEP 15 cmH<sub>2</sub>O</b></p> <p>Đồng tử 2 bên 2 mm, PXAS (+)</p> <p>BC 5.4 K/µL, Hct 33%, TC 15 K/µL</p> <p>AST/ALT <b>15 054/ 4 954 → 11 054/ 2 501 U/L</b></p> <p><b>Bilirubin TP/TT 50/ 45 → 100/71 µmol/L (tăng)</b></p> <p><b>NH3 máu 104 → 225 µmol/L</b></p> <p><b>TQ 15% INR 3.46</b> - TCK 47 giây – Fibrinogen 0.79 g/L</p> <p>Creatinin máu 210 µmol/l; Na/K 134/4,49 mmol/l</p> <p>pH 7,29/ pCO<sub>2</sub> 38,8/ pO<sub>2</sub> 64/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 18,4</p> <p>Lactate ĐM 11,75 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT</p> <p>Tiếp tục an thần, dẫn cơ</p> <p>Đổi KS: Meropenem + Vancomycin</p> <p>Tiếp tục NAC</p> <p>Tiếp tục Noradrenalin</p> <p>Thay huyết tương lần 2</p> <p>Theo dõi xuất huyết, truyền chế phẩm máu</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điều trị                                                                                                                                                             |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N7        | <p>BN nằm yên<br/>Mạch quay đều rõ 96 lần/phút<br/>HA 117/62 mmHg (Nor 4 µg/phút)<br/>Chi ấm, CRT&lt;2 giây<br/><b>SpO<sub>2</sub> 92%/FiO<sub>2</sub> 90%/PEEP 15 cmH<sub>2</sub>O</b><br/>Đồng tử 2 bên 2 mm, PXAS (+).<br/>UF 3000 ml</p> <p>BC 8,86 K/µL, Hct 33,5%, TC 57 K/µL<br/>AST/ALT 3 711/ 993 U/L<br/><b>Bilirubin TP/TT 100/71 → 239,6/127,2 µmol/L</b><br/>NH3 máu 195 µmol/L<br/>Na/K 134/3,99 mmol/l; Creatinin máu 206 µmol/l<br/>TQ 32%, INR 2,39 - TCK 37,8 giây – Fibrinogen 1,31 g/L<br/>pH 7,31/ pCO<sub>2</sub> 40/ pO<sub>2</sub> 80/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 19,8<br/>Lactate ĐM 7,3 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT<br/>Tiếp tục an thần, dẫn cơ<br/>Tiếp tục Meropenem + Vancomycin<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục Noradrenalin<br/>Thay huyết tương lần 3</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều trị                                                                                                                                                             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N8        | <p>BN nằm yên<br/>Mạch quay đều rõ 100 lần/phút<br/>HA 130/80 mmHg (Nor 8 µg/phút)<br/>Chi ấm, CRT&lt;2 giây<br/>SpO<sub>2</sub> 94%/FiO<sub>2</sub> 55%/PEEP 10 cmH<sub>2</sub>O<br/>Đồng tử 2 bên 2 mm, PXAS (+).<br/>UF 3000 ml</p> <p>BC 10,84 K/µL, Hct 35,8%, TC 38 K/µL<br/>AST/ALT 1 443/531 U/L<br/><b>Bilirubin TP 239,6 → 291 µmol/L</b><br/><b>NH3 máu 226 µmol/L</b><br/>TQ 34% INR 2,27 - TCK 34,3 giây – Fibrinogen 1,71 g/L<br/>Creatinin máu 226 µmol/l, Na/K 134/4,14 mmol/l<br/>pH 7,42/ pCO<sub>2</sub> 31,6/ pO<sub>2</sub> 101/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 20,3<br/>Lactate ĐM 7,36 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT<br/>Tiếp tục an thần, dẫn cơ<br/>Tiếp tục Meropenem + Vancomycin<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục Noradrenalin<br/>Thay huyết tương lần 4</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điều trị                                                                                                                                                             |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N9        | <p>BN nằm yên<br/>Mạch quay đều rõ 98 lần/phút<br/>HA 120/60 mmHg (Nor 4 µg/phút)<br/>Chi ấm, CRT&lt;2 giây<br/>SpO<sub>2</sub> 91%/FiO<sub>2</sub> 50%/PEEP 10 cmH<sub>2</sub>O<br/>Đồng tử 2 bên 2 mm, PXAS (+).<br/>UF 2000 ml</p> <p>BC 15,74 K/µL, Neu 74,4%, Hct 36,4%, TC 57 K/µL<br/>AST/ALT 678/286 U/L<br/><b>Bilirubin TP 291 -&gt; 289,5 µmol/L</b><br/>TQ 35% INR 2,23 - TCK 33,2 giây – Fibrinogen 1,79 g/L<br/>Creatinin máu 233 µmol/l ,Na/K 132/3,99 mmol/l<br/>pH 7,37/ pCO<sub>2</sub> 41,8/ pO<sub>2</sub> 63/ HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 24,2<br/>Lactate ĐM 7,36 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT<br/>Tiếp tục an thần, dẫn cơ<br/>Tiếp tục Meropenem + Vancomycin<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục Noradrenalin<br/>Thay huyết tương lần 5</p> |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Điều trị                                                                                                                                                            |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8h N10    | <p>BN nằm yên<br/>Mạch quay đều rõ 108 lần/phút<br/>HA 120/70 mmHg PPV 6% (Nor 12 µg/phút)<br/>Chi ấm, CRT &lt; 2 giây<br/>SpO<sub>2</sub> 94%/FiO<sub>2</sub> 40%/PEEP 10 cmH<sub>2</sub>O<br/>Đồng tử 2 bên 2 mm, PXAS (+).<br/>UF 1200 ml</p> <p>BC 9,82 K/µL, Hct 31,3%, TC 36 K/µL<br/>PCT 3,78 -&gt; 2,69 ng/ml<br/>AST/ALT 273/132 U/L<br/><b>Bilirubin TP/TT 289,5 → 256/198,4 µmol/L</b><br/>NH<sub>3</sub> máu 218,7 µmol/L<br/>TQ 34% INR 2,27 - TCK 37,9 giây – Fibrinogen 1,43 g/L<br/>Creatinin máu 242 µmol/l, Na/K 137/3,71 mmol/l<br/>pH 7.46/ pCO<sub>2</sub> 32,7/ pO<sub>2</sub> 115 HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 23,1<br/>Lactate ĐM 8,05 mmol/l</p> | <p>Tiếp tục thở máy, CRRT<br/>Tiếp tục an thần, dẫn cơ<br/>Tiếp tục Meropenem + Vancomycin<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục Noradrenalin<br/>Ngưng an thần, dẫn cơ</p> |



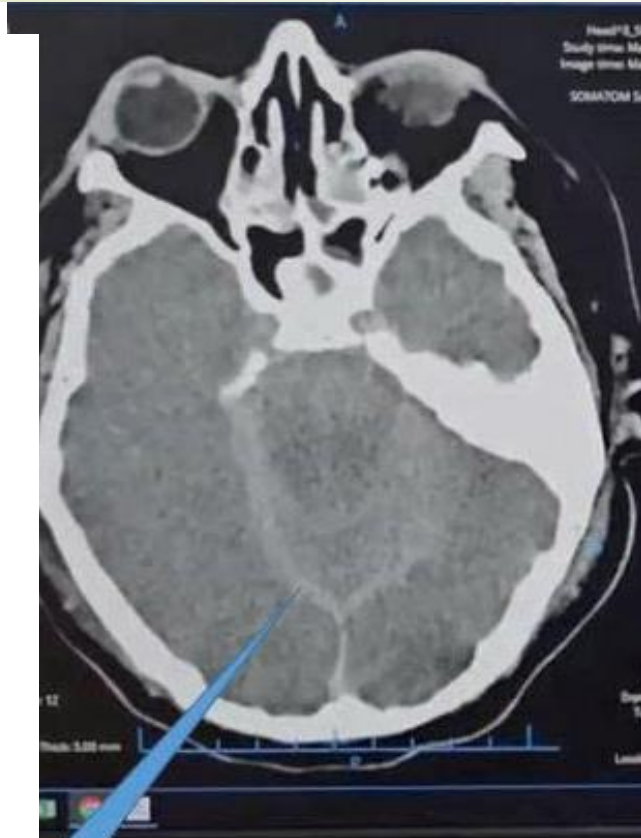
# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                            | Điều trị |
|-----------|--------------------------------------|----------|
| N10 20h   | Bệnh nhân co giật tay P và mặt bên P |          |



# CT-Scan sọ não

- Xuất huyết dưới nhện, phù não lan tỏa



Xuất huyết lều  
tiểu não



Xuất huyết rãnh  
võ não

Xuất  
huyết  
Sylvian và  
liềm não

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                              | Điều trị |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| N11-13    | BN sốc -> sử dụng vận mạch, toan chuyển hóa mất bù, mất phản xạ thân não, mất phản xạ mắt búp bê, đồng tử giãn, không phản xạ ánh sáng |          |



## **Dịch truyền trong điều trị SXH-D**

## Dung dịch tinh thể

| Thành phần                                      | Huyết tương              | NaCl 0,9% | Ringer lactate | Ringer acetate |
|-------------------------------------------------|--------------------------|-----------|----------------|----------------|
| Na <sup>+</sup> (meq/l)                         | 135-145                  | 154       | 130            | 130            |
| Cl <sup>-</sup> (meq/l)                         | 98-106                   | 154       | 109            | 108,7          |
| K <sup>+</sup> (meq/l)                          | 3,5-5,0                  | -         | 4              | 4              |
| Ca <sup>2+</sup> (mg/dl)                        | 3,0-4,5                  | -         | 4              | 4              |
| Mg <sup>2+</sup> (mg/dl)                        | 1,8-3,0                  | -         | -              | -              |
| Chất đệm (mmol/l)                               | HCO <sub>3</sub> (22-28) | -         | Lactate (28)   | Acetate (28)   |
| pH                                              | 7,36-7,44                | 5,7       | 6,5            |                |
| Độ thẩm thấu ước tính (mosm/l)                  | 291                      | 308       | 273            | 273,4          |
| Độ thẩm thấu đo được (mosm/kg H <sub>2</sub> O) | 287                      | 286       | 256            |                |

# Dung dịch tinh thể

## Natriclorid 0,9%

- Phù mô kẽ - nguy cơ với tất cả dung dịch tinh thể, cao nhất NaCl 0,9% ( $\text{Na}^+$  cao và Natri là yếu tố quyết định của dịch ngoại bào) <sup>1</sup>
- Sử dụng NaCl 0,9% nhanh và nhiều thường có nguy cơ toan chuyển hóa tăng chloride máu (do Clo nhiều) <sup>2</sup>

## Ringer Lactate

- Lactate - một chất đệm, chuyển hóa thành bicarbonate trong gan
- Bổ sung Lactate giúp giảm nồng độ của Cloride
- Độ thẩm thấu của Ringer Lactate thấp hơn huyết tương và thấp nhất so với các dung dịch tinh thể khác. Tính nhược trương → không nên dùng cho BN phù não hoặc có nguy cơ phù não

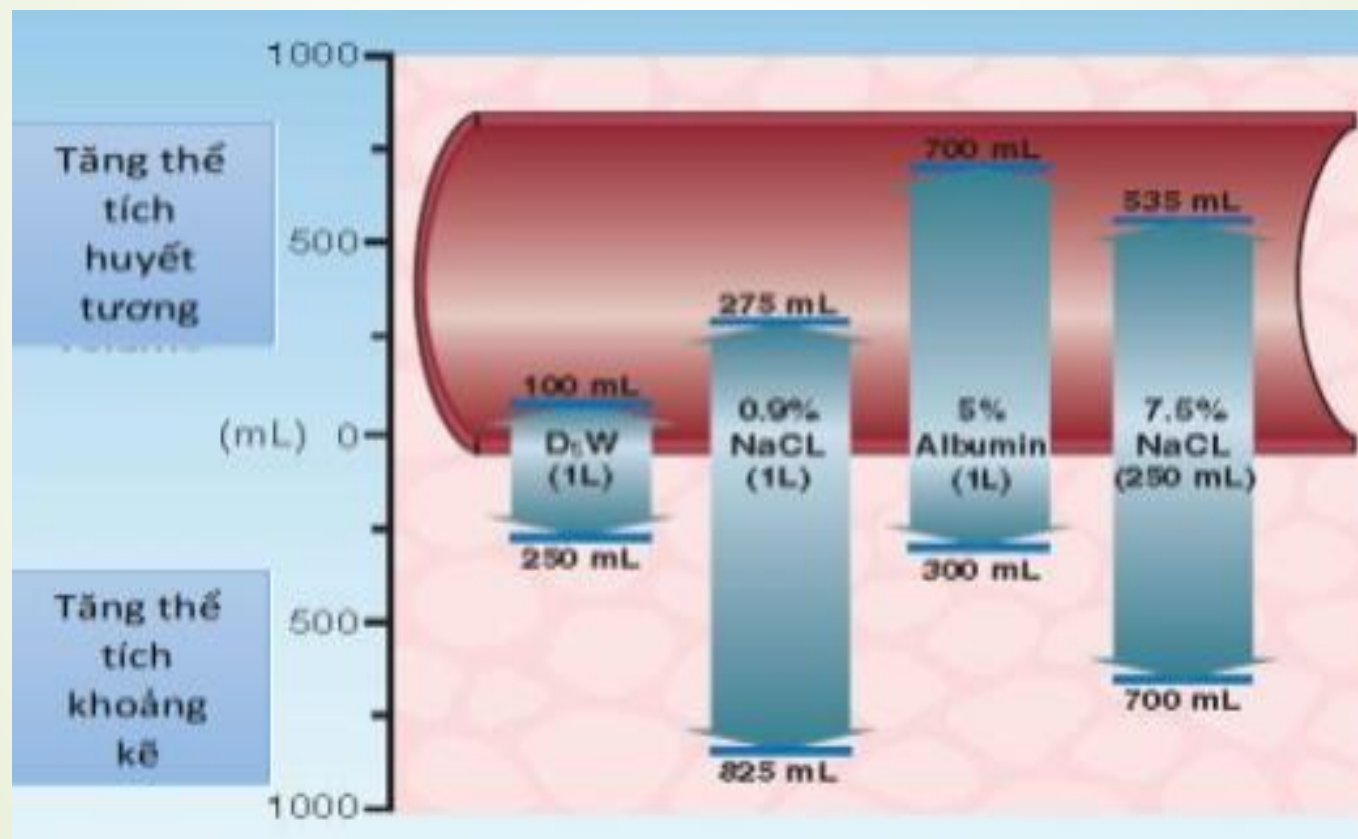
1. Chowdhury A. H., Cox E. F., Francis S. T., Lobo D. N. (2012), "A randomized, controlled, double-blind crossover study on the effects of 2-L infusions of 0.9% saline and plasma-lyte® 148 on renal blood flow velocity and renal cortical tissue perfusion in healthy volunteers". *Ann Surg*, 256 (1), pp. 18-24.
2. Orbegozo Cortés D., Rayo Bonor A., Vincent J. L. (2014), "Isotonic crystalloid solutions: a structured review of the literature". *Br J Anaesth*, 112 (6), pp. 968-81.

## Đặc điểm các loại dịch truyền

| Loại dịch truyền | Nơi khuếch tán  | Thể tích hồi phục |
|------------------|-----------------|-------------------|
| Máu              | Trong lòng mạch | 1/1               |
| Huyết tương      | Trong lòng mạch | 1/1               |
| Dextran          | Trong lòng mạch | 2/1               |
| Gelatin, HES     | Trong lòng mạch | 1/1               |
| Albumin          | Trong lòng mạch | 3/1               |
| NaCl 0,9%        | Ngoại bào       | $\frac{1}{4}$     |
| Ringer Lactate   | Ngoại bào       | $\frac{1}{4}$     |
| Glucose 5%       | Ngoại bào       | 1/10              |



# Hiệu quả thể tích dịch





## So sánh các dung dịch keo

| Loại dịch      | COP | $\Delta$ plasma/<br>thể tích dịch truyền | Thời gian<br>hiệu quả |
|----------------|-----|------------------------------------------|-----------------------|
| HES 6%         | 30  | 1,0-1,3                                  | 24                    |
| Dextran 40 10% | 40  | 1,0-1,5                                  | 6                     |
| Dextran 70     | 40  | 1,0-1,5                                  | 12                    |

1. Imm A., Carlson R. W. (1993), "Fluid resuscitation in circulatory shock". *Crit Care Clin*, 9 (2), pp. 313-33
2. Griffel M. I., Kaufman B. S. (1992), "Pharmacology of colloids and crystalloids". *Crit Care Clin*, 8 (2), pp. 235-53.
3. Kaminski Mitchell V., Haase Terri J. (1992), "Albumin and Colloid Osmotic Pressure Implications for Fluid Resuscitation". *Critical Care Clinics*, 8 (2), pp. 311-321.
4. Treib J., Baron J. F., Grauer M. T., Strauss R. G. (1999), "An international view of hydroxyethyl starches". *Intensive Care Med*, 25 (3), pp. 258-68.

# Hiệu quả thể tích Albumin

- Albumin 5% có áp lực keo (COP 20 mmHg) nhỏ hơn áp lực keo của huyết tương. Hiệu quả thể tích (ít nhất 70% giữ lại trong huyết tương) bắt đầu mất đi sau 6 giờ và mất hết sau 12 giờ<sup>(1,2)</sup>
- Albumin 25% có COP 70 mmHg, cao hơn áp lực keo của huyết tương 2,5 lần. Làm tăng thể tích huyết tương khoảng 3-4 lần thể tích được truyền (thể tích này được rút ra từ dịch kẽ). Thời gian tác dụng tương tự albumin 5%

1. Imm A., Carlson R. W. (1993), "Fluid resuscitation in circulatory shock". *Crit Care Clin*, 9 (2), pp. 313-33  
2. Griffel M. I., Kaufman B. S. (1992), "Pharmacology of colloids and crystalloids". *Crit Care Clin*, 8 (2), pp. 235-53.

## So sánh các dung dịch keo

| Loại dịch      | COP | $\Delta$ plasma/<br>thể tích dịch truyền | Thời gian<br>hiệu quả |
|----------------|-----|------------------------------------------|-----------------------|
| HES 6%         | 30  | 1,0-1.3                                  | 24                    |
| Dextran 40 10% | 40  | 1,0-1,5                                  | 6                     |
| Dextran 70     | 40  | 1,0-1,5                                  | 12                    |
| Albumin 5%     | 20  | 0,7-1,3                                  | 12                    |
| Albumin 25%    | 70  | 3,0-4,0                                  | 12                    |

1. Imm A., Carlson R. W. (1993), "Fluid resuscitation in circulatory shock". *Crit Care Clin*, 9 (2), pp. 313-33
2. Griffel M. I., Kaufman B. S. (1992), "Pharmacology of colloids and crystalloids". *Crit Care Clin*, 8 (2), pp. 235-53.
3. Kaminski Mitchell V., Haase Terri J. (1992), "Albumin and Colloid Osmotic Pressure Implications for Fluid Resuscitation". *Critical Care Clinics*, 8 (2), pp. 311-321.
4. Treib J., Baron J. F., Grauer M. T., Strauss R. G. (1999), "An international view of hydroxyethyl starches". *Intensive Care Med*, 25 (3), pp. 258-68.

## SỐC SXHD KHÔNG ĐÁP ỨNG DỊCH TRUYỀN

Kiểm tra Hct, ECG, Troponin I,  
siêu âm tim, KMDM, lactate máu, đường  
máu và Canxi máu

Xử trí những rối loạn nếu có

+

- Đo HAĐMXL  
- Đo CVP hoặc sử dụng các phương pháp đánh giá huyết động học khác

+

Test dịch : CPT 5ml/kg/30 phút

Cải thiện LS

Không

Có

Xem xét chuyển dung dịch  
điện giải hoặc tiếp tục  
CPT tùy theo lâm sàng,  
Hct, giai đoạn sốc

$\Delta$ CVP tăng  $\geq 5\text{cmH}_2\text{O}$ ;  
Hoặc các chỉ số đánh giá huyết động  
học khác gợi ý kém đáp ứng với liệu  
pháp truyền dịch nhanh

Không

Có

- Noradrenaline
- Xem xét bù albumin nếu albumin máu  $\leq 25\text{g/dl}$  (\*)
- Xem xét những nguyên nhân gây sốc khác

## PHỤ LỤC XỬ TRÍ SỐC SXH-D KHÔNG ĐÁP ỨNG DỊCH TRUYỀN

# Các phương pháp đánh giá thể tích lòng mạch

## ➤ Phương pháp xâm lấn

- Áp lực tĩnh mạch trung tâm
- Sự thay đổi của áp lực tĩnh mạch trung tâm sau test dịch

## ➤ Phương pháp không xâm lấn

- Siêu âm
  - ✓ Đường kính tĩnh mạch chủ dưới IVC
  - ✓ Buồng tổng thất trái LVOT
  - ✓ Buồng tổng thất phải RVOT
  - ✓ Kissing sign
  - ✓ Phân suất tổng máu

# Các phương pháp đánh giá thể tích lòng mạch

## ➤ Biến thiên áp lực mạch PPV (Pulse Pressure Variation)

- PPV phản ánh sự thay đổi của thể tích nhát bóp theo biến thiên hô hấp
- Ưu điểm: ít bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi áp lực lồng ngực theo chu kỳ hô hấp



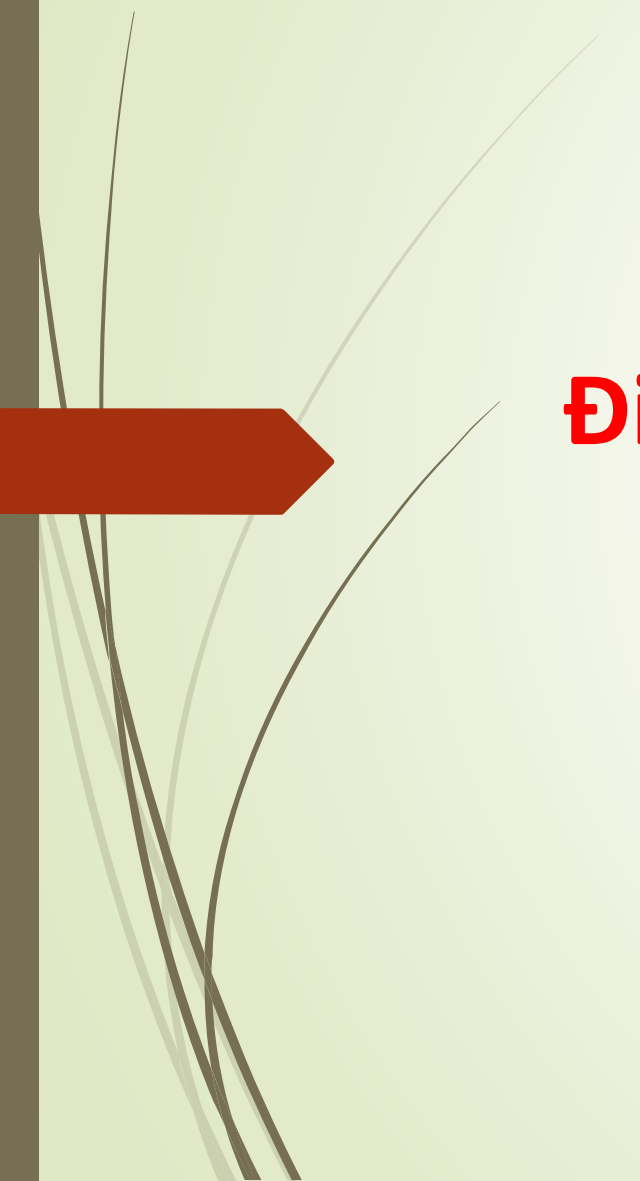


# Các phương pháp đánh giá thể tích lòng mạch

## ➤ **PiCCO** (pulse contour cardiac output)

- Cung lượng tim liên tục
- Global End diastolic Volume (thể tích máu trong 4 buồng tim) GEDV
- Intrathoracic Blood Volume(thể tích máu trong 4 buồng tim + trong hệ mạch máu phổi) ITBV
- Extravascular Lung Water (thể tích dịch ngoài mạch máu phổi) EVLW
- Systemic Vascular Resistance (kháng lực mạch máu ngoại biên) SVR
- Stroke Volume Variation (biến thiên thể tích nhát bóp) SVV

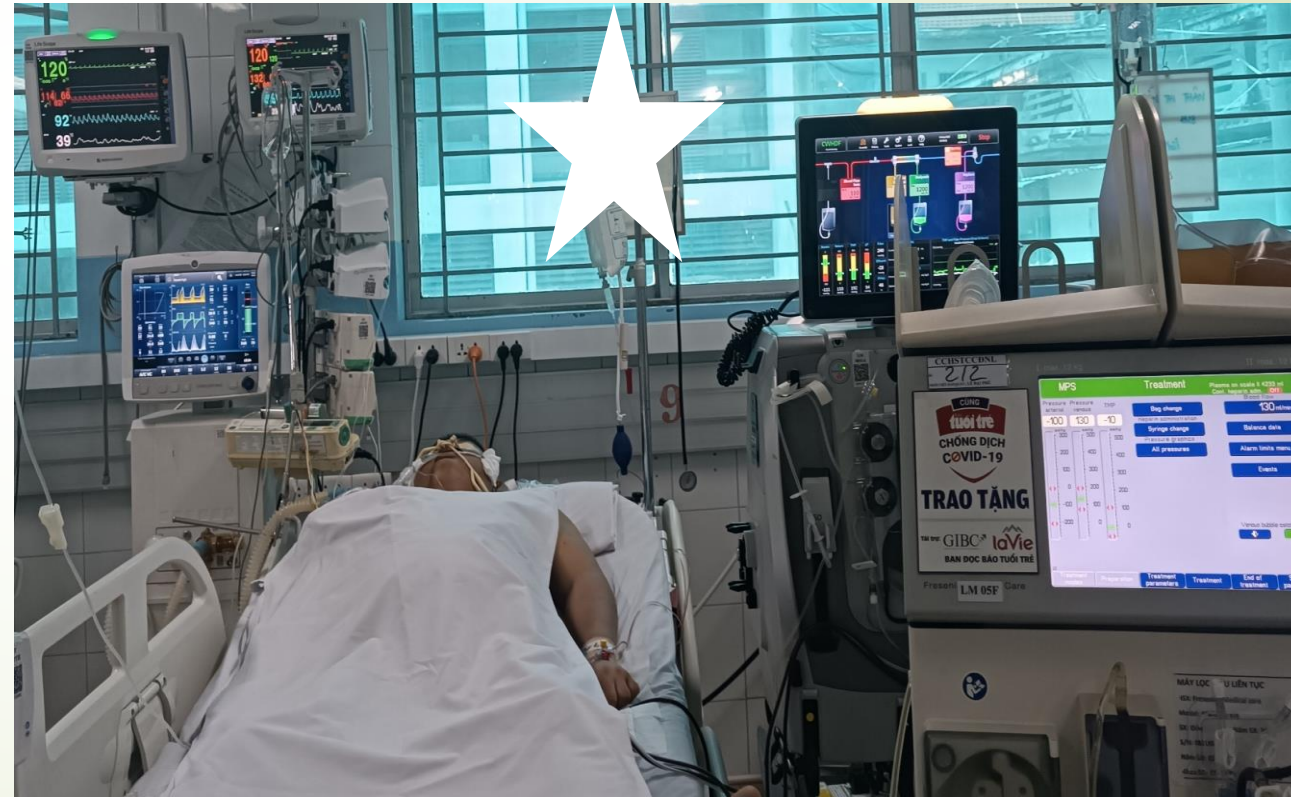


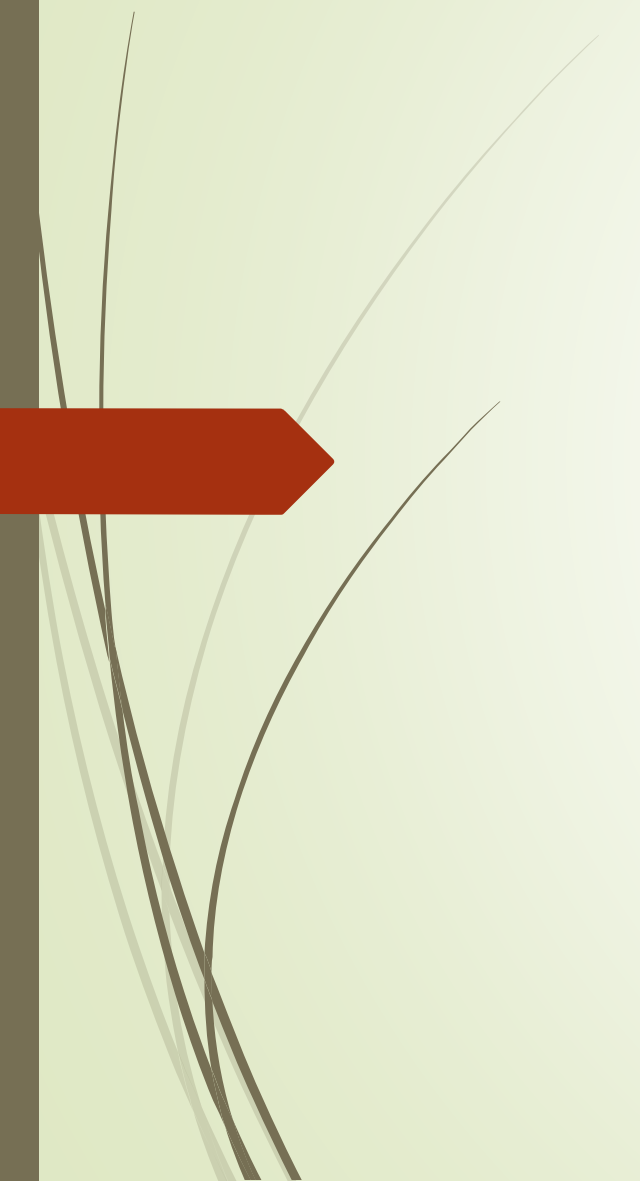


**Điều trị tổn thương tạng – suy tạng**

# Điều trị suy tạng

- Tổn thương gan nặng – suy gan cấp
  - NAC
  - Thay huyết tương
- Suy thận cấp
  - Lọc máu liên tục





# CA LÂM SÀNG 2

# CA LÂM SÀNG 2

Bệnh nhân nam, 22 tuổi, địa chỉ: Bình Dương, nhập viện 30/08/2025

**Bệnh sử:** 3 ngày

- N1: Sốt cao liên tục
- N2: còn sốt → Bệnh viện
- N3: 8h40 sốc SXH-D, chống sốc. Bệnh nhân thở mệt → chuyển viện

Trong quá trình bệnh, không xuất huyết, không ho, không khó thở, không đau ngực, tiểu vàng trong không gắt buốt, tiêu phân vàng sệt

# XÉT NGHIỆM

- BC 9,7 K/ $\mu$ l, Hct 50,4%, TC 14 K/ $\mu$ l
- TQ 40%, INR 2,02, TCK 57,5 giây
- Creatinin máu 129,04  $\mu$ mol/l, CrCl 68,03 ml/phút
- AST/ALT 6 572,6/3 264,35 U/L
- Bilirubin TP 79,58  $\mu$ mol/l
- pH 7,4 /pCO<sub>2</sub> 28 /pO<sub>2</sub> 52/HCO<sub>3</sub><sup>-</sup> 17,3
- MELD Score 24 điểm

# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 8h40     | 140         | 140/120   | 25              |                | 98         | 50      | LR 15 ml/kg/h              |
| 9h40     | 130         | 140/110   | 26              |                | 98         |         | LR 10 ml/kg/h x 2          |
| 11h40    | 135         | 130/100   | 25              |                |            |         | LR 10 ml/kg/h<br>4 HTĐL    |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điều trị                                                                  |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 14h N3    | <p>Bệnh tình, khó thở<br/>Mạch 130 lần/phút, HA 140/90 mmHg<br/>NT 26 lần/phút, SpO<sub>2</sub> 98%/khí trời<br/>NĐ 37,5 độ C<br/>Tim đều rõ<br/>Phổi không ran, giảm âm đáy phổi P<br/>Gan to #3cm, dưới bờ sườn<br/>CN 99 kg, CC 172 cm, BMI 33,46, CNCS 80kg<br/>Hct 40%</p> <p>Siêu âm (TG): IVC dao động theo nhịp thở,<br/>tim co bóp khá, thất (P) không giãn, TDMB<br/>lượng nhiều, dịch đồng nhất, TDMP hai bên<br/>(P) &gt; (T), dịch đồng nhất</p> | <p>Thở HFNC<br/>Tiếp tục dịch truyền chống sốc<br/>NAC 100 mg/kg/ngày</p> |

# DIỄN TIẾN LÂM SÀNG

| Ngày giờ | Lâm sàng    |           |                 |                | Xét nghiệm |         | Xử trí                     |
|----------|-------------|-----------|-----------------|----------------|------------|---------|----------------------------|
|          | Mạch (l/ph) | HA (mmHg) | Nhịp thở (l/ph) | Nước tiểu (ml) | SpO2 (%)   | Hct (%) | Dịch truyền (Loại, tốc độ) |
| 8h40     | 140         | 140/120   | 25              |                | 98         | 50      | LR 15 ml/kg/h              |
| 9h40     | 130         | 140/110   | 26              |                | 98         |         | LR 10 ml/kg/h x 2          |
| 11h40    | 135         | 130/100   | 25              |                |            |         | LR 10 ml/kg/h<br>4 HTĐL    |
| 14h      | 130         | 140/90    | 26              |                | 98         | 40      | Ace 6 ml/kg/h              |
| 15h      | 113         | 150/80    | 24              |                | 99         | 41      | Ace 3 ml/kg/h              |
| 16h      | 120         | 140/80    | 25              |                | 99         |         | Ace 3 ml/kg/h              |
| 17h      | 120         | 150/90    | 25              |                | 98         |         | Ace 3 ml/kg/h x 2          |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều trị                                                                                  |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20h N3    | Bệnh tình, bứt rứt<br>Mạch 125 lần/phút, HA 140/80 mmHg<br>NT 32 lần/phút, SpO <sub>2</sub> 95%/FiO <sub>2</sub> 60%<br><br>WBC 8,11 K/ $\mu$ L, Hct 37%, PLT 14 K/ $\mu$ L<br>Na/K/Ca <sup>2+</sup> /Mg 128/4,01/0,89/0,66 mmol/L<br>Creatinin 69 $\mu$ mol/L<br>AST/ALT 6 781/2 656 U/L<br>Bilirubin TP/TT 68,1/50,9 $\mu$ mol/L<br>TQ 49,4%, INR 1,39, TCK 72 giây, Fibrinogen 1,56 g/L<br>pH/pO <sub>2</sub> /pCO <sub>2</sub> /HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> 7,46/89/30,5/21,4<br>Lactate 3,58 mmol/L<br>PCT 1,21 ng/ml<br>Troponin I 34,3 pg/ml | Đặt NKQ thở máy<br>Tiếp tục dịch truyền chống sốc<br>Kháng sinh Imipenem<br><br>BAL Lần 1 |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                             | Điều trị                                             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 22h N3    | Bệnh nằm yên<br>Mạch 130 lần/phút, HA 150/80 mmHg<br>SpO <sub>2</sub> 95%/FiO <sub>2</sub> 70%<br>Sonde dạ dày ra dịch đen 50 ml<br>Chảy máu mũi nhiều<br><br>Hct 35% | Nhét méch mũi<br>Truyền máu: 2 HCL, 5 kit TC, 6 HTĐL |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều trị                                                                                                                    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N4        | <p>Bệnh nhân nằm yên, <b>sốt</b><br/>Mạch 110 lần/phút, HA 180/90 mmHg<br/>SpO<sub>2</sub> 88%/ FiO<sub>2</sub> 100%, PEEP 15 cmH<sub>2</sub>O<br/>Chảy máu mũi, miệng, bầm vết chích<br/>Sonde dạ dày dịch đen<br/>Tiểu 4100 ml</p> <p>SA: IVC 2,2cm, TDMP (P) nhiều, TDMP (T) lượng ít, đông đặc ít đáy phổi (T), TDMB ít, dịch đồng nhất<br/><b>WBC 23 K/μL, Neu 48,8%</b>, Hct 33,2%, PLT 70 K/μL<br/>Na/K/Ca<sup>2+</sup>/Mg 133/3,4/1,12/0,96 mmol/L<br/><b>Creatinin 62 → 119 μmol/L</b><br/><b>AST/ALT 6 781/2 656 → 8 009/2 533 U/L</b><br/><b>Bilirubin TP/TT 68,1/50,9 → 140,4/98 μmol/L</b><br/>NH3 123 mmol/l<br/>TQ 67,6%, TCK 37 giây, Fibrinogen 2,21 g/L<br/>pH/pO<sub>2</sub>/pCO<sub>2</sub>/HCO<sub>3</sub> 7,44/60/46,4/30,9<br/>Lactate 3,4 mmol/L</p> | <p>Tiếp tục thở máy<br/>Tiếp tục NAC<br/>Imipenem, phối hợp Vancomycin và Colistin<br/>Theo dõi Hct truyền chế phẩm máu</p> |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                     | Điều trị |
|-----------|-------------------------------|----------|
| 20h N4    | Bệnh nhân vô niệu trong 6 giờ | CRRT     |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều trị                                                                                        |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N5        | <p>Bệnh nhân nằm yên, còn sốt<br/>Mạch 120 lần/phút, HA 150/90 mmHg<br/>SpO<sub>2</sub> 90%/ FiO<sub>2</sub> 100%, PEEP 15 cmH<sub>2</sub>O<br/>Tiểu 100 ml</p> <p><b>WBC 35,35 K/μL, Neu 46%</b>, Hct 31,7%, PLT 99 K/μL<br/>Na/K 134/3.66 mmol/L<br/><b>Creatinin 119 → 263 μmol/L</b><br/>AST/ALT 8 009/2 533 -&gt; 4 692/1 510U/L<br/><b>Bilirubin TP/TT 140,4/98 → 162/130 μmol/L</b><br/>NH<sub>3</sub> 77,5 mmol/l<br/>TQ 82%, TCK 34,7 giây, Fibrinogen 1,72 g/L<br/>pH/pO<sub>2</sub>/pCO<sub>2</sub>/HCO<sub>3</sub> 7,49/47/33,2/25,2<br/>Lactate 3,13 mmol/L</p> | <p>Tiếp tục thở máy<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục CRRT<br/>Imipenem, Vancomycin và Colistin</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điều trị                                                                                                   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N6        | <p>Bệnh nhân nằm yên, còn sốt<br/>Mạch 128 lần/phút, HA 170/90 mmHg<br/>Thở theo máy<br/>SpO<sub>2</sub> 90%/ FiO<sub>2</sub> 90%, PEEP 15 cmH<sub>2</sub>O<br/>Tiểu 100 ml, UF 5700 ml</p> <p><b>WBC 30,36 K/μL</b>, Neu 60%, Hb 12,3 g%, PLT 110 K/μL<br/>Na/K 131/4,25 mmol/L<br/>Creatinin 263 → 291 μmol/L<br/>AST/ALT 2 514/840 U/L<br/><b>Bilirubin TP/TT 162/130 → 252/178 μmol/L</b><br/>NH<sub>3</sub> 62 mmol/l<br/>TQ 86%, TCK 33,8 giây<br/>pH/pO<sub>2</sub>/pCO<sub>2</sub>/HCO<sub>3</sub> 7,46/67/37,9/27,2<br/>Lactate 2,77 mmol/L<br/>Cấy BAL N3: <i>S. pneumoniae</i> + <i>H. influenzae</i> chưa có KSD</p> | <p>Tiếp tục thở máy<br/>Tiếp tục NAC<br/>Tiếp tục CRRT<br/>Imipenem, Vancomycin<br/>Tạm ngưng Colistin</p> |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điều trị                                                                                                     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N7        | <p>Bệnh nhân nằm yên<br/>Mạch 126 lần/phút, HA 140/90 mmHg<br/>SpO<sub>2</sub> 90%/ FiO<sub>2</sub> 80%, PEEP 12 cmH<sub>2</sub>O<br/>Không sốt 1 ngày<br/>Tiểu 0 ml, UF 7000 ml</p> <p><b>WBC 34,68 K/μL, Neu 66,9%,</b> Hb 12,6 g%, PLT 127 K/μL<br/>Na/K 131/4,88 mmol/L<br/>Creatinin 291 → 340 μmol/L<br/>AST/ALT 1 535/445 U/L<br/><b>Bilirubin TP 252 → 404 μmol/L</b><br/>NH<sub>3</sub> 62,8 mmol/l<br/>TQ 86,4%<br/>pH/pO<sub>2</sub>/pCO<sub>2</sub>/HCO<sub>3</sub> 7,43/63/40,4/27<br/>Lactate 3,64 mmol/L</p> | <p>Tiếp tục thở máy<br/>Tiếp tục NAC<br/>NAC 4 ngày -&gt; TPE<br/>Tiếp tục CRRT<br/>Imipenem, Vancomycin</p> |

+ Yêu cầu VS: Cây dịch rửa phế quản định lượng\*

- Mã PPXN: QTVS 02-17\*

- Kết quả soi/nhuộm:

BC>25, TBTB <10/ QT10X

- Kết quả cấy: DƯƠNG TÍNH

+ Chủng vi sinh tìm thấy: *Streptococcus pneumoniae(nonmeningitidis)*> 10<sup>6</sup>

Mã định danh vi khuẩn: Phương pháp định danh: VITEK\*

| Nhóm KS | Tên kháng sinh          | MIC(ug/mL) | SRI | Phương pháp |
|---------|-------------------------|------------|-----|-------------|
| O       | Azithromycin            |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Clindamycine            |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Ceftriaxone             | 0.5        | S   | MIC Etest*  |
| A       | Erythromycin            |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Levofloxacin            |            |     |             |
| A       | Penicillin              |            |     |             |
| C       | Rifampin                |            |     |             |
| O       | Trimethoprim-sulfametho |            |     |             |
| B       | Vancomycin              |            |     |             |

+ Chủng vi sinh tìm thấy: *Haemophilus influenzae* > 10<sup>6</sup>

Mã định danh vi khuẩn: Phương pháp định danh: VITEK\*

| Nhóm KS | Tên kháng sinh                | MIC(ug/mL) | SRI | Phương pháp |
|---------|-------------------------------|------------|-----|-------------|
| A       | Ampicillin                    |            | S   | Đĩa giấy*   |
| C       | Amoxicillin + Clavulanic acid |            | S   | Đĩa giấy*   |
| C       | Azithromycin                  |            | S   | Đĩa giấy*   |
| B       | Ciprofloxacin                 |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Ceftriaxone                   | 0.25       | S   | MIC Etest*  |
| B       | Levofloxacin                  |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Meropenem                     |            | S   | Đĩa giấy*   |
| C       | Trimethoprim-sulfamethoxazole |            | R   | Đĩa giấy*   |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều trị                                                                                               |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N7 17h    | Bệnh nhân nằm yên<br>Mạch 130 lần/phút, HA 80/40 mmHg<br>Thở theo máy<br>SpO <sub>2</sub> 80%/ FiO <sub>2</sub> 100%, PEEP 14 cmH <sub>2</sub> O<br>PPV 5%<br>Sốt 39 độ C<br>X quang phổi xấu hơn<br><br>Siêu âm tại giường: đông đặc, viêm xẹp phổi rải rác | Ngưng Imipenem<br>Tiếp tục Vancomycin<br>Phối hợp Meropenem, Colistin<br>Noradrenalin<br><br>BAL lần 2 |

# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điều trị                                                                                          |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| N8        | <p>Bệnh nhân nằm yên<br/>Mạch 120 lần/phút, HA 110/60 mmHg<br/>Thở theo máy<br/>SpO<sub>2</sub> 83%/ FiO<sub>2</sub> 100%, PEEP 12 cmH<sub>2</sub>O<br/>Sốt 39,5 độ C<br/>Tiểu 0 ml, UF 6800 ml</p> <p>WBC 31,25 K/<math>\mu</math>L, Neu 56%, Hb 10,8 g%, PLT 73 K/<math>\mu</math>L<br/>Na/K 135/4,73 mmol/L<br/>Creatinin 340 <math>\rightarrow</math> 327 <math>\mu</math>mol/L<br/>AST/ALT 456/108 U/L<br/><b>Bilirubin TP/TT 404 <math>\rightarrow</math> 406/324 <math>\mu</math>mol/L</b><br/>NH<sub>3</sub> 62,8 mmol/l<br/>TQ 99%<br/>pH/pO<sub>2</sub>/pCO<sub>2</sub>/HCO<sub>3</sub> 7,35/73/47,3/25,7<br/>Lactate 2,88 mmol/L<br/>Soi phết họng, TPTNT: không nấm</p> | <p>Tiếp tục thở máy<br/>Tiếp tục TPE<br/>Tiếp tục CRRT<br/>Vancomycin<br/>Meropenem, Colistin</p> |



# DIỄN TIẾN

| Thời gian | Diễn tiến                                                           |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|
| N9 -10    | Bệnh nhân số<br>dài phải nâng<br>Suy hô hấp tã<br><br>Cấy BAL lần 2 |

+ Yêu cầu VS: Cấy dịch rửa phế quản định lượng\*

- Mã PPXN: QTVS 02-17\*

- Kết quả cấy: **DƯƠNG TÍNH**

+ **Chủng vi sinh tìm thấy:** *Acinetobacter baumannii*

$> 10^6$

- Ghi chú: Vi khuẩn đa kháng thuốc

Mã định danh vi khuẩn:

Phương pháp định danh: MALDI-TOF

| Nhóm KS | Tên kháng sinh                  | MIC(ug/mL) | SRI | Phương pháp |
|---------|---------------------------------|------------|-----|-------------|
| B       | Amikacin                        | $\geq 64$  | R   | MIC Vitek*  |
| A       | Ampicillin + Sulbactam          |            | R   | Đĩa giấy*   |
| A       | Ceftazidime                     | $\geq 64$  | R   | MIC Vitek*  |
| A       | Ciprofloxacin                   | $\geq 4$   | R   | MIC Vitek*  |
| A       | Gentamycin                      |            | R   | Đĩa giấy*   |
| O       | Colistine                       | 1          | I   | MIC Vitek*  |
| B       | Cefepime                        | $\geq 32$  | R   | MIC Vitek*  |
| A       | Imipenem                        | $\geq 16$  | R   | MIC Vitek*  |
| B       | Levofloxacin                    | $\geq 8$   | R   | MIC Vitek*  |
| A       | Meropenem                       | $\geq 16$  | R   | MIC Vitek*  |
| B       | Minocycline                     |            | R   | Đĩa giấy*   |
| B       | Trimethoprim-sulfamethoxazole   |            | R   | Đĩa giấy*   |
|         | Tigecycline                     |            | S   | Đĩa giấy*   |
|         | Tobramycin                      | $\geq 16$  | R   | MIC Vitek*  |
| B       | Piperacillin + Tazobactam (TZP) | $\geq 128$ | R   | MIC Vitek*  |



# Tổn thương phổi ở bệnh nhân SXH-D

Fotedar Sanjay et al. Pulmonary Manifestations of Dengue Fever Section at a Tertiary Care Centre in Northern India: A Cross-sectional Study. JOURNAL OF CLINICAL AND DIAGNOSTIC RESEARCH. 2023;17. doi: 10.7860/JCDR/2023/63382.18343.

Methods

A retros  
India, i  
Decem  
imagin  
ultraso  
Diagno  
and ult  
signifi

Resu

Out of  
most c  
involve  
pulmo  
manife  
counts

| BILATERAL PLE<br>RIGHT PLE<br>LEFT PLE<br>PUL<br>PULMONARY | Baseline characteristics | Patients without pulmonary involvement, n=229 | Comorbidities                                                                    |
|------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|                                                            | Age                      |                                               |                                                                                  |
|                                                            | ≤ 50 years               | 19                                            |                                                                                  |
|                                                            | >50 years                | 37                                            |                                                                                  |
|                                                            | Sex                      |                                               |                                                                                  |
|                                                            | Female                   | 71                                            |                                                                                  |
|                                                            | Male                     | 15                                            |                                                                                  |
|                                                            | Comorbidities            |                                               |                                                                                  |
|                                                            | No                       | 19                                            |                                                                                  |
|                                                            | Yes                      | 35                                            |                                                                                  |
| PULMONARY                                                  | Classification of dengue |                                               | Chronic Respiratory Disease<br>Chronic Cardiac Disease<br>Chronic Kidney Disease |
|                                                            | Classical dengue         | 21                                            |                                                                                  |
|                                                            | Dengue hemorrhagic fever | 13                                            |                                                                                  |
|                                                            | Dengue shock syndrome    | 1                                             |                                                                                  |
|                                                            |                          |                                               |                                                                                  |

| Clinical presentation   | Patients without Pulmonary involvement, n=229 (%) | Patients with pulmonary involvement, n=26 (%) | Total, n=255 (%) | *P value            |
|-------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------|---------------------|
| Headache                | 125 (54.6)                                        | 10 (38.5)                                     | 135 (52.9)       | 0.12                |
| Nausea                  | 100 (43.7)                                        | 10 (38.5)                                     | 110 (43.1)       | 0.61                |
| Vomiting                | 88 (38.4)                                         | 10 (38.5)                                     | 98 (38.4)        | 0.99                |
| Retro Orbital Pain      | 17 (7.4)                                          | 2 (7.7)                                       | 19 (7.5)         | 0.96                |
| Myalgia                 | 136 (59.4)                                        | 9 (34.6)                                      | 145 (56.9)       | 0.01                |
| Arthralgia              | 15 (6.6)                                          | 2 (7.7)                                       | 17 (6.7)         | 0.82                |
| Hemorrhage              | 15 (6.6)                                          | 2 (7.7)                                       | 17 (6.7)         | 0.82                |
| Hemoptysis              | 1 (0.4)                                           | 1 (3.8)                                       | 2 (0.8)          | 0.06                |
| Breathlessness          | 6 (2.6)                                           | 8 (30.8)                                      | 14 (5.5)         | <0.01               |
| Cough                   | 34 (14.8)                                         | 7 (26.9)                                      | 41 (16.1)        | 0.11                |
|                         |                                                   |                                               |                  |                     |
| Chronic Cardiac Disease |                                                   | 2 (0.9%)                                      | 1 (3.8%)         | 3 (1.2%) 1.77 0.183 |
| Chronic Kidney Disease  |                                                   | 2 (0.9%)                                      | 1 (3.8%)         | 3 (1.2%) 1.77 0.183 |

# Phát hiện viêm phổi ở bệnh nhân SXH-D

- ✓ X quang phổi
- ✓ Siêu âm phổi
- ✓ CT Scan ngực
- ✓ Tác nhân gây viêm phổi
- ✓ Viêm phổi bệnh viện – Vi khuẩn đa kháng thuốc



# KẾT LUẬN

- Điều trị SXH-D hiện tại vẫn là một thách thức
- Bệnh chưa có thuốc điều trị đặc hiệu
- Các phương pháp điều trị hiện tại đều là điều trị triệu chứng, nâng đỡ
- Vai trò của các phương pháp phòng bệnh



An underwater photograph showing a coral reef at the bottom. Sunlight rays stream down from the surface, creating a dramatic effect. The water is a deep blue, and the coral is dark and textured.

**Cám ơn  
đã chú ý lắng nghe**



# KINH NGHIỆM XỬ TRÍ SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE NẶNG Ở NGƯỜI LỚN

ThS. BS. Phạm Kim Oanh

Bộ môn Nhiễm – Trường Y - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh